

Đề Thi Kiểm Tra Học Kỳ 1 Môn Văn Lớp 10

Đề 1

I. Phần Đọc hiểu: (3,0 điểm)

Đọc bài ca dao sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

MƯỜI CÁI TRÚNG

Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng bốn, tháng khốn, tháng nạn

Đi vay đi dạm, được một quan tiền

Ra chợ Kê Diên mua con gà mái

Về nuôi ba tháng; hấn đẻ ra mười trứng

Một trứng: ung, hai trứng: ung, ba trứng: ung,

Bốn trứng: ung, năm trứng: ung, sáu trứng: ung,

Bảy trứng: cũng ung

Còn ba trứng nở ra ba con

Con điều tha

Con quạ quắp

Con mặt cắt xơi

Chớ than phận khó ai ơi!

Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây

(Ca dao Bình Trị Thiên)

Câu 1: Chỉ ra một biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu ca dao sau:

Một trứng: ung, hai trứng: ung, ba trứng: ung,

Bốn trứng: ung, năm trứng: ung, sáu trứng: ung,

Bảy trứng: cũng ung

Câu 2: Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật vừa chỉ ra ở câu 1.

Câu 3: Nêu nội dung của hai câu ca dao: *Chớ than phận khó ai ơi! / Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây?*

Câu 4: Trình bày suy nghĩ của anh/chị về thông điệp được gợi ra từ hai câu ca dao sau (viết khoảng 6 đến 8 dòng):

Chớ than phận khó ai ơi!

Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây

II. Phần Làm văn: (7,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về bài thơ Tỏ lòng (Thuật hoài) của Phạm Ngũ Lão.

..... Hết.....

Cách Chấm Đề Thi 1

Phần	Câu	Yêu cầu cần đạt	Điểm
I. Độc Hiểu (3đ)	1	- Liệt kê/lặp từ/ lặp cấu trúc ngữ pháp (cú pháp)/tăng cấp (tăng tiến)/ẩn dụ... (HS có thể kể một trong các biện pháp tu từ trên)	0.25
	2	- Tác dụng của liệt kê, lặp từ, lặp cấu trúc, tăng cấp: Liệt kê và nhấn mạnh nỗi khổ của người lao động xưa. - Biện pháp ẩn dụ: “ <i>Trúng ung</i> ” – những mát mát liên miên xảy ra đối người lao động. => Hình ảnh tượng trưng về nỗi khổ của người lao động xưa. ... (HS có thể chọn một biện pháp nghệ thuật, chỉ ra biện pháp nghệ thuật đó và nêu đúng tác dụng).	0.75
	3	- Câu ca dao là lời tự động viên mình của người lao động xưa. - Là lời nhắn nhủ mọi người hãy luôn lạc quan, tin tưởng dù cuộc sống còn nhiều khó khăn. (HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo một trong hai nội dung trên)	1.0
	4	- Nội dung: HS có thể nói về một trong các thông điệp sau: + Tinh thần lạc quan trong cuộc sống; + Biết chấp nhận khó khăn để tìm cách vượt qua... - Hình thức: + Khoảng 6 – 8 dòng (có thể hơn hoặc kém 1 dòng), + Đúng chính tả, ngữ pháp. (HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo thể hiện suy nghĩ sâu sắc, chân thành, tích cực về một thông điệp gọi ra từ câu ca dao)	1.0
II. Phân Tích Tập làm văn (3đ)	HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được các yêu cầu sau:		
	1	Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề nghị luận, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
	2	Xác định được vấn đề cần nghị luận: Cảm nhận bài thơ <i>Tỏ lòng</i> – Phạm Ngũ Lão.	0,25
	3	Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận	

		sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
MB		- Giới thiệu tác giả Phạm Ngũ Lão; giới thiệu tác phẩm: Tỏ lòng (Thuật hoài). - Nêu vấn đề nghị luận: Bài thơ Tỏ lòng.	0.5
TB		- Sơ lược về nhà Trần + Trong các triều đại phong kiến nhà Trần là triều đại để lại nhiều dấu ấn lịch sử đáng ghi nhớ nhất. + Thời đại ấy hun đúc nên những con người vĩ đại và trở lại, con người lại làm vẻ vang cho thời đại sản sinh ra mình.	0.5
		- Nội dung: + Vẻ đẹp con người: . Hình tượng con người kì vĩ (Hai câu đầu). . Vẻ đẹp tư tưởng nhân cách (Hai câu sau).	3.0
		+ Vẻ đẹp thời đại (HS có thể trình bày lồng vào vẻ đẹp con người) . Chân dung thời đại được phản ánh qua hình tượng con người trung tâm. . Hình ảnh con người trầm tư suy nghĩ về ý chí lí tưởng, hoài bão của mình là sự khúc xạ tuyệt đẹp của chân dung thời đại.	1.0
		- Nghệ thuật: + Thể thơ thất thất ngôn tứ tuyệt Đường luật ngắn gọn, đạt tới độ súc tích cao. + Từ ngữ hình ảnh to lớn để miêu tả tầm vóc của con người thời đại nhà Trần.	0.5
KB		- Nhận xét đánh giá: Con người và thời đại nhà Trần (Thời đại Đông A) thật gần gũi, đẹp đẽ.	0.5
4.		Sáng tạo: có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
5		Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu trong tiếng Việt.	0,25
ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II = 10, 00 điểm			

Đề 2

Họ tên:.....

Lớp:.....

Câu 1 (4,0 điểm)

Cho đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu,
Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu*

- a. (1đ) Hãy xác định tên bài thơ, tên tác giả trong đoạn thơ trên?
- b. (1đ) Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật và nêu tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong câu thơ sau: *Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.*
- c. (2đ) Từ hai câu thơ sau:

*Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu*

Viết một đoạn văn ngắn (10 đến 15 câu) suy nghĩ của em về lí tưởng sống của thanh niên trong xã hội hiện nay.

Câu 2 (6,0 điểm)

Cảm nhận của em về bài thơ ***Cảnh ngày hè*** (Bảo kính cảnh giới số 43) của Nguyễn Trãi.

-----Hết-----

Cách Chấm Đề Thi 2

Câu	Ý	ĐÁP ÁN	Điểm
1.		<p>Cho đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:</p> <p style="text-align: center;"><i>Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu, Tam quân tì hổ khí thôn ngưu. Nam nhi vị liễu công danh trái, Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu</i></p> <p>a. (1đ) Hãy xác định tên bài thơ, tên tác giả trong đoạn thơ trên?</p> <p>b. (1đ) Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật và nêu tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong câu thơ sau: <i>Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.</i></p>	4.0 đ

	<p>c. (2đ) Từ hai câu thơ sau:</p> <p style="text-align: center;"><i>“Nam nhi vị liễu công danh trái, Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu”</i></p> <p>Viết một đoạn văn ngắn (10 đến 15 câu) suy nghĩ của em về lí tưởng sống của thanh niên trong xã hội hiện nay.</p>	
a.	<p>- Tên bài thơ: Tỏ lòng (Thuật hoài)</p> <p>- Tên tác giả: Phạm Ngũ Lão</p>	<p>0,5đ</p> <p>0,5 đ</p>
b.	<p>- NT: so sánh, phóng đại: ba quân như hổ báo, khí thế hùng dũng nuốt trôi trâu.</p> <p>- Tác dụng: + Cụ thể hoá sức mạnh vật chất + Khái quát hoá sức mạnh tinh thần</p> <p>-> Hình ảnh quân đội nhà Trần hiện lên sôi sục khí thế quyết chiến quyết thắng, đó là sức mạnh đoàn kết của dân tộc ta.</p> <p style="text-align: center;"><i>(HS diễn đạt thêm)</i></p>	<p>0,25đ</p> <p>0,75</p>
c.	<p>HS viết thành đoạn văn và phải đảm bảo nội dung sau:</p> <p>- Chí làm trai trong hai câu thơ:</p> <p style="text-align: center;"><i>“Nam nhi vị liễu công danh trái, Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu”</i></p> <p>+ Sống có trách nhiệm, hy sinh vì nghĩa lớn.</p> <p>+ Khát vọng đem tài trí để tận trung báo quốc, đó là lẽ sống lớn của một con người đầy tài năng và hoài bão.</p> <p>- Lí tưởng sống của thanh niên trong xã hội hiện nay:</p> <p>+ Vai trò của tầng lớp thanh niên có lí tưởng trong đời sống cá nhân, xã hội?</p> <p>+ Lẽ sống, niềm tin và những đóng góp của thanh niên hiện nay?</p> <p>+ Những kì vọng của gia đình và xã hội.</p>	<p>1,0</p> <p>1,0đ</p>
2.	<p>Phân tích bài thơ “<i>Cảnh ngày hè</i>” (Bảo kính cảnh giới số 43) của Nguyễn Trãi.</p>	6.0đ
	<p>Yêu cầu chung</p> <p>1. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>- Biết cách làm bài văn nghị luận văn học về một tác phẩm thơ</p> <p>- Bố cục 3 phần rõ ràng</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ</p>	

	<p>và ngữ pháp.</p> <p>2. Yêu cầu về kiến thức:</p> <p>Trên cơ sở kiến thức về nhà văn, về tác phẩm, thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cơ bản nêu được các ý sau:</p>	
1.	<p>Giới thiệu vấn đề cần nghị luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trãi là nhà thơ lớn của dân tộc, để lại nhiều sáng tác có giá trị. - Bài <i>Cảnh ngày hè</i> là bài thơ tiêu biểu trong tập Quốc âm thi tập, bài thơ là bức tranh thiên nhiên sinh động ngày hè và nổi bật lên là vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi trong bài thơ: yêu đời, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và tấm lòng yêu nước thiết tha, cháy bỏng 	0,5đ
2.	<p>* Bức tranh thiên nhiên ngày hè:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với tình yêu thiên nhiên nồng nàn, cùng với tâm hồn tinh tế, nhạy cảm tác giả đã đón nhận thiên nhiên bằng các giác quan: thị giác, thính giác, khứu giác... + Các hình ảnh: hoa hòe, thạch lựu, hoa sen. + Âm thanh: tiếng ve. + Mùi hương: của hoa sen. <p>- Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các động từ: đùn đùn, phun + tính từ tiền. + Hình ảnh gần gũi, dân dã với cuộc sống. <p>-> Nhận xét: Bức tranh chân thực mang nét đặc trưng của mùa hè ở thôn quê, kết hợp hài hòa đường nét và màu sắc. Bức tranh thiên nhiên sinh động, tràn đầy sức sống (nguồn sống ấy được tạo ra từ sự thôi thúc tự bên trong, đang ứ căng, tràn đầy trong lòng thiên nhiên vạn vật, khiến chúng phải “giương lên”, “phun” ra hết lớp này đến lớp khác.</p>	1,0đ
	<p>* Bức tranh cuộc sống sinh hoạt và tấm lòng với dân, với nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng về cuộc sống lao động, cuộc sống sinh hoạt của nhân dân: + Hình ảnh: chợ cá làng ngư phủ → cuộc sống tập nập, đông vui, ồn ào, no đủ. + Âm thanh: lao xao → Từ xa vọng lại, lắng nghe âm thanh của cuộc sống, quan tâm tới cuộc sống của nhân dân. <p>-> Bức tranh miêu tả cuối ngày nhưng không gợi cảm giác ảm đạm.</p>	0,25đ 0,5 đ 0,5 đ 0,25đ

	<p>Bởi ngày sắp tàn nhưng cuộc sống không ngừng lại, thiên nhiên vẫn vận động với cuộc sống dồi dào, mãnh liệt, bức tranh thiên nhiên vẫn rộn rã những âm thanh tươi vui.</p> <p>- Mong ước khát vọng cho nhân dân khắp mọi nơi đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc:</p> <p>+ Ước muốn có chiếc đàn của vua Thuấn để gảy lên khúc nam phong ca ngợi cuộc sống no đủ của nhân dân. Tấm lòng ưu ái với nước.</p> <p>+ Câu cuối: câu lục ngôn ngắt nhịp 3/3 âm hưởng đều đặn đã thể hiện khát vọng mạnh mẽ của Nguyễn Trãi</p>	0,25đ
	<p>+ Ước muốn có chiếc đàn của vua Thuấn để gảy lên khúc nam phong ca ngợi cuộc sống no đủ của nhân dân. Tấm lòng ưu ái với nước.</p> <p>+ Câu cuối: câu lục ngôn ngắt nhịp 3/3 âm hưởng đều đặn đã thể hiện khát vọng mạnh mẽ của Nguyễn Trãi</p>	0,5đ
3.	<p>Bài thơ cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi - người anh hùng dân tộc: yêu thiên nhiên và luôn nặng lòng với dân với nước.</p>	0,5đ

.....Hết.....

ĐỀ 3

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm):

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt, đều to khỏe và chắc mẩy. Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm: “Đại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng trong lớp vỏ này và tìm một nơi lý tưởng để trú ngụ”. Thế là nó chọn một góc khuất trong kho lúa để lẩn vào đó. Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới. Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì - nó chết dần chết mòn. Trong khi đó, hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới...

(Hạt giống tâm hồn, Hai hạt lúa)

1. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản. (0,5 điểm)

2. Câu văn “Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới” sử dụng biện pháp tu từ gì? (0,5 điểm)

3. Nêu ý nghĩa của văn bản. (1,0 điểm)

4. Nếu được lựa chọn, anh/ chị sẽ chọn cách sống như hạt lúa thứ nhất hay hạt lúa thứ hai? Vì sao? (trả lời trong khoảng từ 5 đến 7 dòng). (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN:

Câu 1: (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của câu văn “*hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt*”.

Câu 2: (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của con người và thời đại nhà Trần trong bài thơ “*Tổ lòng*” (Thuật hoài) của Phạm Ngũ Lão.

Cách Chấm Đề Thi 3

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phong cách ngôn ngữ của văn bản: nghệ thuật	0,5
	2	Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: nhân hóa (<i>hạt lúa... thì ngày đêm mong... thật sự sung sướng</i>)	0,5
	3	Ý nghĩa của văn bản: từ sự lựa chọn cách sống của hai hạt lúa, câu chuyện đề cập đến quan niệm sống của con người: nếu bạn chọn cách sống ích kỉ, bạn sẽ bị lãng quên; ngược lại, nếu bạn chọn cách sống biết cho đi, biết hi sinh, bạn sẽ nhận lại quả ngọt của cuộc đời.	1,0
	4	Học sinh đưa ra quan điểm của bản thân và lí giải thuyết phục	1.0
	1	Viết 01 đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của câu văn “ <i>hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt</i> ”.	2,0
	a	Đảm bảo cấu trúc đoạn văn: Có nêu vấn đề, triển khai vấn đề, kết luận được vấn đề theo phương thức nghị luận.	0,25

II	b	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: trong cuộc sống, không nên chỉ thu mình trong vỏ bọc bình yên mà phải biết vươn ra, chấp nhận thử thách, chông gai để đóng góp cho cuộc đời.	0,25
	c	Triển khai vấn đề nghị luận bằng việc vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, rút ra bài học nhận thức và hành động... - Sự hi sinh của hạt lúa (<i>nát tan trong đất</i>) lại đem đến sự hồi sinh, mang lại cho đời vô số những hạt lúa mới; từ đó liên tưởng đến sự dấn thân, chấp nhận gian khó, thử thách, dám sống và hành động vì mục đích cao cả, tốt đẹp của con người. - Phê phán lối sống ích kỉ, thu mình trong vỏ bọc khép kín, chỉ biết nghĩ đến những quyền lợi của bản thân. - Bài học nhận thức và hành động: sống phải biết vươn lên chấp nhận thử thách, khó khăn để làm mới mình và đóng góp cho đời.	1,0
	d	Sáng tạo: HS có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ của bản thân, văn viết trong sáng, diễn đạt mạch lạc	0,25
	e	Chính tả, dùng từ, đặt câu: không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của con người và thời đại nhà Trần trong bài thơ “Tỏ lòng” (Thuật hoài) của Phạm Ngũ Lão.	5,0
a	Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở đầu bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai vấn đề thành các luận điểm, kết bài kết luận được vấn đề.	0,5	
b	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp của con người, thời đại nhà Trần trong bài thơ “Tỏ lòng” của Phạm Ngũ Lão	0,5	
c	Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. - <u>Giới thiệu khái quát</u> về tác giả Phạm Ngũ Lão và bài thơ “Tỏ lòng” - <u>Nêu và phân tích luận đề</u> : vẻ đẹp của con người và thời đại nhà Trần trong bài thơ: *Vẻ đẹp của người trai thời Trần: + Hình ảnh người tráng sĩ vệ quốc thuở bình Nguyên cảm	3,0	

		<p>ngang ngọn giáo bên bãi bảo vệ non sông với tư thế hiên ngang, uy dũng, mang tầm vóc vũ trụ.</p> <p>+ Hình ảnh người anh hùng với quan niệm về chí làm trai, tự ý thức về nghĩa vụ, trách nhiệm công dân với đất nước trong hoàn cảnh có giặc xâm lăng (<i>công danh nam tử còn vương nợ</i>)</p> <p>+ Nổi then cao cả, khiêm nhường cho thấy cái tâm của một nhân cách lớn, hoài bão lớn: mong có được tài cao chí lớn để đóng góp nhiều hơn cho đất nước.</p> <p>*Vẻ đẹp của thời đại nhà Trần:</p> <p>+ Bằng thủ pháp so sánh phóng đại và sử dụng hình ảnh ước lệ, Phạm Ngũ Lão đã khắc họa vẻ đẹp và sức mạnh của đội quân mang hào khí Đông A “<i>Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu</i>”</p> <p>→ sức mạnh thể chất vô địch, phi thường; sức mạnh tinh thần với khí thế “xung thiên”, quyết chiến quyết thắng mọi kẻ thù xâm lược.</p> <p>- <u>Đánh giá chung</u> về vẻ đẹp của con người và vẻ đẹp thời đại nhà Trần , đặc sắc nghệ thuật...</p>	
	d	Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện ý nghĩa sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận, văn phong khoa học, giàu cảm xúc	0,5
	e	Chính tả, dùng từ, đặt câu: không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu (trừ 0,25 điểm nếu mắc 1 – 2 lỗi; trên 3 lỗi trừ 0,5 điểm)	0,5
ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II = 10,00 ĐIỂM			

Đề 4

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

"*Thật vậy, Nguyễn Du, đại thi hào của dân tộc từng viết: “Sách vở đầy bốn vách/ Có mấy cũng không vừa”. Đáng tiếc, cuộc sống hiện nay dường như “cái đạo” đọc sách cũng dần phai pha. Sách in nhiều nơi không bán được, nhiều nhà xuất bản đóng cửa vì thua lỗ, đặc biệt sách bị cạnh tranh khốc liệt bởi những phương tiện nghe nhìn như ti vi, Ipad, điện thoại Smart, và hệ thống sách báo điện tử trên Internet. Nhiều gia đình giàu có thay tủ sách bằng tủ ... rượu các loại. Các thư viện lớn của các thành phố hay của tỉnh cũng chỉ hoạt động cầm chừng, cố duy trì sự tồn tại.*

Bỗng chợt nhớ khi xưa còn bé, với những quyển sách giấu trong áo, tôi có thể đọc sách khi chờ mẹ về, lúc nấu nồi cơm, lúc tha thẩn trong vườn, vắt vẻo trên cây, lúc chần trâu, lúc chờ xe bus... Hay hình ảnh những công dân nước Nhật mỗi người một quyển sách trên tay lúc ngồi chờ tàu xe, xem hát, v.v... càng khiến chúng ta thêm yêu mến và khâm phục. Ngày nay, hình ảnh ấy đã bớt đi nhiều, thay vào đó là cái máy tính hay cái điện thoại di động. Song sách vẫn luôn cần thiết, không thể thiếu trong cuộc sống phẳng hiện nay... ”

(Trích “Suy nghĩ về đọc sách” – Trần Hoàng Vy, Báo Giáo dục & Thời đại, thứ hai ngày 13.4.2015)

Câu 1. Đoạn trích trên được trình bày theo phương thức biểu đạt nào? (0,5 điểm)

Câu 2. Nội dung của đoạn trích là gì? Ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề đoạn trích. (1,0 điểm)

Câu 3. Hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng: “*cuộc sống hiện nay dường như “cái đạo” đọc sách cũng dần phai pha*”? (0,5 điểm)

Câu 4. Theo anh/chị, đọc sách có những tác dụng như thế nào trong cuộc sống con người? (Nêu ít nhất hai tác dụng của việc đọc sách). (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 100 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về ý kiến: *Một cuốn sách tốt là một người bạn hiền.*

Câu 2. (5,0 điểm)

Hãy kể lại *Truyện An Dương Vương và Mị Châu Trọng Thủy* bằng lời của anh/chị với một cách kết thúc khác với kết thúc của tác giả dân gian.

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ không giải thích gì thêm

Họ và tên thí sinh:.....SBD:.....

Cách Chấm Đề Thi 4

*** Yêu cầu chung:**

- Giám khảo phải nắm được nội dung trình bày trong bài làm của học sinh để đánh giá được một cách khái quát, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt đáp án, nên sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí, khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.

- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách riêng nhưng đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.

*** Yêu cầu cụ thể:**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc – hiểu	1	Phương thức biểu đạt: Nghị luận	0,5
	2	- Nội dung đoạn trích: Thực trạng văn hóa đọc sách trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin hiện nay và sự khẳng định vai trò không thể thiếu của việc đọc sách trong cuộc sống.	0,5
		- Câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích: “ <i>Song sách vẫn luôn cần thiết, không thể thiếu trong cuộc sống phẳng hiện nay.</i> ”	0,5
	3	Tác giả cho rằng “ <i>cuộc sống hiện nay dường như “cái đạo” đọc sách cũng dần phai pha</i> ” vì: Ở thời đại công nghệ số, con người chỉ cần gõ bàn phím máy tính hoặc điện thoại di động đã có thể tiếp cận thông tin ở nhiều phương diện của đời sống, tại bất cứ nơi đâu, trong bất kì thời gian nào, nên việc đọc sách đã dần trở nên phai pha.	0,5
4	Học sinh nêu được ít nhất hai tác dụng của việc đọc sách.	1,0	
II. Làm văn	1	- Về hình thức: Đảm bảo đúng hình thức một đoạn văn nghị luận (<i>không đúng hình thức đoạn văn trừ 0,5đ</i>); Trình bày hệ thống ý trong đoạn văn rõ ràng, mạch lạc, hợp lý; lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục; không sai chính tả, cách dùng từ, viết câu.	
		- Về nội dung: Học sinh có thể cấu trúc đoạn theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những nội dung sau:	
		* Giải thích: + Sách tốt: Là sách có nội dung tích cực, có tác dụng cung cấp cho ta những tri thức về mọi lĩnh vực của cuộc sống, giúp ta bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách... + Bạn hiền: là người bạn có thể giúp ta chia sẻ những buồn vui, giúp ta vượt qua những thử thách, khó khăn để vươn lên trong học tập, cuộc sống.	0,5
		* Bàn luận: + Sách tốt là người bạn đồng hành với ta trên con đường học tập, trau dồi tri thức để làm chủ cuộc sống của mình. “Sách mở ra trước mắt ta những chân trời mới”. + Sách tốt là người bạn giúp ta biết phân biệt xấu – tốt, đúng – sai; dạy ta biết yêu thương, trân trọng những điều tốt đẹp, biết căm giận, lên án cái xấu, cái ác, biết sẻ	1,0 0,25 0,25

	<p>chia, cảm thông, biết trọng nghĩa tình</p> <p>+ Sách tốt là người bạn nâng đỡ tâm hồn ta những lúc ta buồn.</p> <p>+ Sách tốt khơi gợi cho ta những ước mơ, những hoài bão đẹp.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
	<p>* Bài học nhận thức và hành động:</p> <p>+ Biết trân trọng sách tốt và việc đọc sách.</p> <p>+ Phê phán những quan điểm lệch lạc về việc đọc sách và chọn sách ở một bộ phận giới trẻ hiện nay.</p>	<p>0,5</p>
2	<p>- Yêu cầu về kỹ năng:</p> <p>+ Biết cách làm bài văn tự sự, có sử dụng kết hợp với yếu tố miêu tả và biểu cảm, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt rõ ràng.</p> <p>+ Bài văn có đủ ba phần: Mở bài (phần mở đầu)– thân bài (Phần nội dung) – kết luận (Kết thúc truyện)</p> <p>+ Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.</p>	
	<p>- Yêu cầu về nội dung:</p> <p>Học sinh dùng lời văn của mình một cách linh hoạt, sáng tạo nhưng nội dung câu chuyện phải đảm bảo trung thành với tác giả dân gian.</p> <p>Riêng phần phần kết thúc câu chuyện, yêu cầu học sinh sáng tạo, nhưng nội dung sáng tạo phải đảm bảo hợp lý, có sức thuyết phục.</p> <p>Có thể có nhiều cách kể khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:</p>	
	<p>* Mở bài: Giới thiệu về hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.</p> <p>An Dương vương kế tục sự nghiệp dựng nước của 18 đời Hùng Vương; đổi tên nước Văn Lang thành Âu Lạc, dời đô từ Phong Châu xuống Phong Khê (Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội ngày nay)</p>	<p>0,5</p>
	<p>* Thân bài: Kể lại diễn biến câu chuyện.</p> <p>+ An Dương Vương bắt tay vào việc xây thành, gặp rất nhiều khó khăn.</p> <p>+ Nhờ sứ Thanh Giang (Rùa vàng) giúp đỡ, sau nửa tháng thì thành được xây xong.</p> <p>+ Rùa vàng cho An Dương vương một chiếc vuốt để làm lẫy nỏ.</p> <p>+ Triệu Đà mang quân sang xâm lược, An Dương Vương nhờ có nỏ thần bắn một phát chết hàng vạn giặc nên Triệu Đà thua to, rút quân về nước.</p> <p>+ Triệu Đà giả vờ cầu hòa, rồi cầu hôn cho con trai là Trọng Thủy. An Dương Vương chủ quan, mất cảnh giác nên đã mắc mưu.</p> <p>+ Trọng Thủy lấy cắp lẫy thần (Tráo đổi lẫy nỏ làm từ móng thần Kim Quy thành lẫy giả).</p> <p>+ Triệu Đà tấn công Loa Thành, An Dương Vương mang Mị Châu lên ngựa bỏ chạy về phương Nam</p>	<p>3,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
	<p>* Kết bài: Kết thúc câu chuyện.</p> <p>Yêu cầu học sinh sáng tạo một kết thúc khác với kết thúc của tác giả dân gian. Các em có thể tưởng tượng những cách kết thúc khác nhau</p>	<p>1,0</p>

	Nhưng cần đảm bảo một sự logic, phù hợp và có sức thuyết phục.	
--	--	--

Điểm toàn bài là tổng điểm của các câu cộng lại, làm tròn đến 0,25

Đề 5

I. Phần đọc hiểu (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

Trung thực thường là một trong những tiêu chí hàng đầu để các nhà tuyển dụng đánh giá, lựa chọn ứng viên. Có một định nghĩa rất thú vị về trung thực do Tổ chức Giáo dục giá trị sống toàn cầu giới thiệu “Trung thực là sự thống nhất trong suy nghĩ, lời nói và hành động”.

Trong giao tiếp, suy nghĩ bên trong của chúng ta không chỉ thể hiện qua lời nói mà còn “xuất hiện” qua cử chỉ, nét mặt, âm giọng, tư thế ngồi,... Thông thường ngôn ngữ cơ thể không biết nói dối! Vì thế, nhà tuyển dụng không chỉ lắng nghe những điều bạn nói mà còn qua sát để “đọc” tính trung thực của lời nói qua thứ “ngôn ngữ không lời” mà bạn thể hiện.

(Trích **Nói thật bằng lời và không lời**, Theo Tuoitreonline, Bài tập Ngữ văn 11, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr. 122)

Câu 1. Đoạn trích thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (0,5 điểm)

Câu 2: Hãy chỉ ra những biểu hiện của “ngôn ngữ không lời” trong đoạn trích này. (0,5 điểm)

Câu 3: Tại sao tác giả cho rằng: “Nhà tuyển dụng không chỉ lắng nghe những điều bạn nói mà còn quan sát để “đọc” tính trung thực của lời nói qua thứ “ngôn ngữ không lời” mà bạn thể hiện”? (1,0 điểm)

Câu 4: Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng ½ trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến: “*Trung thực là sự thống nhất trong suy nghĩ, lời nói và hành động*” (2,0 điểm)

II. Phần làm văn (6,0 điểm)

Cảnh thu – tình thu trong Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến

CÂU CÁ MÙA THU

Áo thu lạnh lẽo nước trong veo,
 Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo,
 Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
 Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo,
 Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối buông cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo

(Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.22)

Cách Chấm Điểm Đề Thi 5

Phần 1: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1: Đoạn trích thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 2: Những biểu hiện của “ngôn ngữ không lời” trong đoạn trích này là cử chỉ, nét mặt, âm giọng, tư thế ngồi,...

Câu 3: “Nhà tuyển dụng không chỉ lắng nghe những điều bạn nói mà còn qua sát để “đọc” tính trung thực của lời nói qua thứ “ngôn ngữ không lời” mà bạn thể hiện”, vì:

- Suy nghĩ bên trong của chúng ta không chỉ thể hiện qua lời nói mà còn qua cử chỉ, nét mặt, âm giọng, tư thế ngồi...
- Thông thường, ngôn ngữ cơ thể không biết nói dối.

Câu 4:

- Ở câu này, giám khảo chấm điểm linh hoạt. Chỉ cho điểm tối đa khi học sinh viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.
- Học sinh trình bày suy nghĩ của mình với thái độ chân thành, nghiêm túc, hợp lí, thuyết phục. Có thể theo định hướng sau:
 - + Hiểu và chỉ ra được biểu hiện của sự thống nhất trong suy nghĩ, lời nói và hành động của con người.
 - + Khẳng định sự thống nhất trong suy nghĩ, lời nói và hành động là trung thực với chính mình và mọi người. Đó là đức tính cần thiết và quý báu giúp ta nâng cao phẩm giá, được mọi người tin yêu, kính trọng; làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội.
 - + Rút ra bài học nhận thức và hành động phù hợp với bản thân.

Phần 2: LÀM VĂN (6,0 điểm)

a. Yêu cầu về kỹ năng

Học sinh biết cách làm bài nghị luận văn học. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, văn viết có cảm xúc, diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

b. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về tác giả Nguyễn Khuyến và bài thơ *Câu cá mùa thu*, học sinh có thể làm bài theo những cách khác nhau, nhưng phải đảm bảo những yêu cầu về kiến thức. Sau đây là một số gợi ý:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.
- Cảnh thu: được gợi lên từ những hình ảnh quen thuộc của làng quê đồng bằng Bắc Bộ (chiếc ao, chiếc thuyền, lá vàng, mây, ngõ trúc...) với những đường nét thanh sơ của cảnh vật, màu sắc trang nhã: nước trong veo, sóng biếc, trời xanh ngắt; những chuyển động nhẹ nhàng: sóng hơi gợn tí, lá vàng khẽ đưa vèo, tầng mây lơ lửng,...
- -> Cảnh mùa thu mang nét thanh sơ, tĩnh lặng. Đó là bức tranh mùa thu đẹp, thơ mộng nhưng đượm một nỗi buồn.
- Tình thu: Qua dáng vẻ và cảm nhận thiên nhiên của nhân vật trữ tình, có thể thấy đằng sau cảnh chính là một tâm hồn nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên và một nỗi niềm tâm sự trĩu nặng (sự ưu tư về bản thân, tấm lòng vì nước vì dân...)
- -> Tình yêu thiên nhiên, tấm lòng yêu quê hương đất nước.
- Nghệ thuật: ngôn ngữ giản dị, giàu sức gợi hình; các thủ pháp nghệ thuật (lấy động tả tĩnh, tả tĩnh ngụ tình...)
- Khái quát chung.